

**Quản lý hoạt động dạy học ngoại ngữ tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Huế ICP****Nguyễn Xuân Quang***Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Huế ICP***THÔNG TIN BÀI BÁO***Quá trình xử lý:**Ngày nhận bài: 16/8/2025**Ngày nhận bản chỉnh sửa: 08/10/2025**Ngày nhận đăng: 09/10/2025**Ngày xuất bản: 20/12/2025**Từ khóa:**Dạy học ngoại ngữ;**Quản lý giáo dục;**Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;**Phát triển năng lực.***TÓM TẮT**

Bài báo này mục đích đánh giá thực trạng quản lý hoạt động dạy học ngoại ngữ tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Huế ICP (sau đây gọi là trung tâm) nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý dạy học, Đảm bảo chất lượng đào tạo và trình độ cho người học. Ứng dụng trong thực tế ở thời đại đất nước đang hội nhập quốc tế. Qua kết quả khảo sát bằng phỏng vấn và bảng hỏi của 05 cán bộ quản lý (CBQL), 36 nhân viên (NV) và 21 giáo viên (GV) tại trung tâm cho thấy công tác xây dựng kế hoạch dạy học, quản lý hoạt động dạy và học tại trung tâm, các điều kiện hỗ trợ dạy học, thực trạng kiểm tra - đánh giá học tập và thực trạng về quản lý tổ chức - chỉ đạo tại Trung tâm Huế ICP được thực hiện một cách khách quan và hiệu quả, công tác điều chỉnh thường xuyên và đạt hiệu quả thực hiện khá tốt, tuy nhiên vẫn còn tồn tại những khó khăn và hạn chế như hiệu quả quản lý còn hạn chế, chất lượng đào tạo cần nhiều thay đổi và hoàn thiện để phù hợp thực tiễn. Đặc biệt còn nhiều vấn đề cần đổi mới trong công tác quản lý hoạt động dạy và học tại trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Huế ICP. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để đề xuất các biện pháp phát triển đội ngũ GV và CBQL cũng như kế hoạch chiến lược trong công tác xây dựng kế hoạch dạy và học của trung tâm trong tương lai.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, ngoại ngữ đóng vai trò then chốt và là chìa khóa để phát triển hội nhập. Kinh nghiệm của các nước phát triển và các nước công nghiệp mới nổi trên thế giới cũng như trong nước đã chỉ rõ, trong những điều kiện cần thiết để hội nhập và phát triển thì ngoại ngữ là điều kiện tiên quyết, là phương tiện đắc lực và hữu hiệu trong tiến trình hội nhập và phát triển. Vì vậy, việc chuẩn hóa năng lực ngoại ngữ cho người học là một điều rất quan trọng trong xu thế hiện nay.

Thực trạng tình hình dạy học ngoại ngữ tại thành phố Huế và các tỉnh lân cận cho thấy các phương pháp dạy học còn mang tính học thuộc lòng, thầy giảng trò nghe và chỉ tiếp thu trên các bài học ở lớp, chỉ học theo những bài học trong sách mà thiếu đi sự sáng tạo các phương pháp giảng dạy mới, các phương pháp thực hành hiệu quả dẫn đến tình trạng học viên chỉ áp dụng được ngoại ngữ ở mức lý thuyết chứ không thực hành được, khả năng giao tiếp và ứng dụng ngoại ngữ của học viên rất kém.

Nhận thức rõ vấn đề này, ngày 30 tháng 9 năm 2008, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định 1400/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020” với mục tiêu chung là “Đổi mới toàn diện việc dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, triển khai chương trình dạy và học ngoại ngữ mới ở các cấp học, trình độ đào tạo, nhằm đến năm 2015 đạt được một bước tiến rõ rệt về trình độ, năng lực sử dụng ngoại ngữ của nguồn nhân lực, nhất là đối với một số lĩnh vực ưu tiên; đến năm 2020 đa số thanh niên Việt Nam tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và đại học đủ năng lực ngoại ngữ sử dụng độc lập, tự tin trong giao tiếp, học tập, làm việc trong môi trường hội nhập, đa ngôn ngữ, đa văn hoá; biến ngoại ngữ trở thành thế mạnh của người dân Việt Nam, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá,

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Xuân Quang;**Địa chỉ e-mail: xuanquangicp@gmail.com**DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.166.2025>*

hiện đại hoá đất nước.” (Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, 2004).

Giáo dục nói chung và giáo dục đại học Việt Nam nói riêng cũng đang trong tiến trình hội nhập với khu vực và thế giới. Có thể khẳng định việc đào tạo, nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh cho cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên trong các cơ sở đào tạo và trong trường đại học đang được coi là ưu tiên hàng đầu. Là công cụ để hội nhập quốc tế, mở rộng cơ hội việc làm, tăng cường năng lực cạnh tranh, nâng cao hiểu biết văn hóa, phát triển tư duy, thúc đẩy giao lưu và kết nối trong thời đại kết nối và phát triển như hiện nay.

Theo TS. Trần Bá Hoành – một chuyên gia đầu ngành về đổi mới giáo dục – trong nghiên cứu “Đổi mới phương pháp dạy học, chương trình và sách giáo khoa”, Nxb Đại học Sư phạm năm 2007 đã nhấn mạnh rằng tiếp cận năng lực là một sự chuyển đổi từ “dạy cái gì” sang “giúp người học làm được gì”. Ông cũng cảnh báo rằng nếu giáo viên không được đào tạo và hỗ trợ đầy đủ, việc chuyển đổi sang dạy học theo năng lực rất dễ trở thành thay đổi trên hình thức, thực tế hiệu quả dạy học không thay đổi.

Trên thế giới, tiếp cận năng lực đã được quan tâm từ sớm, đặc biệt trong giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và đào tạo ngoại ngữ. Một trong những học giả tiên phong là Dell Hymes (1972), người đã đưa ra khái niệm “năng lực giao tiếp” (communicative competence), tạo nên tảng lý luận cho phương pháp dạy học ngôn ngữ theo hướng năng lực. Theo ông, việc học ngôn ngữ không chỉ là tiếp nhận ngữ pháp hay từ vựng, mà còn là khả năng sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống giao tiếp cụ thể và có ý nghĩa. Quan điểm này đã mở đường cho các mô hình dạy học ngoại ngữ theo tiếp cận giao tiếp (Communicative Language Teaching – CLT), vốn hiện đang phổ biến tại nhiều quốc gia.

Bên cạnh đó, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) với chương trình DeSeCo (2005) đã xác định các nhóm năng lực cốt lõi mà mỗi cá nhân cần có để tham gia hiệu quả vào xã hội hiện đại. Các năng lực này bao gồm khả năng sử dụng công cụ tương tác (ngôn ngữ, công nghệ), năng lực tương tác trong các nhóm đa dạng, và năng lực hành động tự chủ. Khung năng lực này không chỉ ảnh hưởng đến chính sách giáo dục ở các nước châu Âu mà còn là cơ sở tham chiếu cho nhiều chương trình cải cách giáo dục trên thế giới.

Ngoài ra, nghiên cứu của Wiggins và McTighe (2005) về “Thiết kế ngược” (Backward Design) nhấn mạnh việc xây dựng chương trình học dựa trên chuẩn đầu ra – điều rất phù hợp với tiếp cận năng lực. Họ cho rằng người dạy cần bắt đầu từ việc xác định rõ những gì người học cần đạt được về năng lực, từ đó thiết kế hoạt động dạy học và phương pháp đánh giá phù hợp.

Ngày 24/01/2014, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam với mục đích: Làm căn cứ thống nhất về yêu cầu năng lực cho tất cả ngoại ngữ được giảng dạy trong hệ thống giáo dục quốc dân; Làm căn cứ xây dựng chương trình, biên soạn hoặc lựa chọn giáo trình, sách giáo khoa, kế hoạch giảng dạy, các tài liệu dạy học ngoại ngữ khác và xây dựng tiêu chí trong kiểm tra, thi và đánh giá ở từng cấp học, trình độ đào tạo, bảo đảm sự liên thông trong đào tạo ngoại ngữ giữa các cấp học và trình độ đào tạo; Làm căn cứ cho giáo viên, giảng viên lựa chọn và triển khai nội dung, cách thức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá để người học đạt được yêu cầu của chương trình đào tạo; Giúp người học hiểu được nội dung, yêu cầu đối với từng trình độ năng lực ngoại ngữ và tự đánh giá năng lực của mình; Tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp tác, trao đổi giáo dục, công nhận văn bằng, chứng chỉ với các quốc gia ứng dụng Khung tham chiếu chung Châu Âu (CEFR). (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014).

Từ những nhu cầu trên, ngày 12/04/2013 theo quyết định số 2275/QĐ-UB của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, Thông tư số 03/2011/TT-BGDĐT, Quyết định số 30/2008/QĐ-BGDĐT và Quyết định số 440/QĐ-SGD&ĐT về việc cấp phép thành lập trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Huế ICP, mục tiêu tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, các lớp ngoại ngữ tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, ...theo đúng chương trình, giáo trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Là một trong những đơn vị tiên phong trong lĩnh vực đào tạo Ngoại ngữ tại Thành phố Huế và khu vực Miền Trung - Tây Nguyên. Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Huế ICP luôn đảm bảo chất lượng các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn tốt nhất nhằm giúp học viên chinh phục được band điểm, bậc học ngoại ngữ cao nhất.

Trung tâm Ngoại ngữ – Tin học Huế ICP có nhiệm vụ: Tổ chức thực hiện các chương trình bồi dưỡng ngoại ngữ, bồi dưỡng tin học ứng dụng chuẩn CNTT cơ bản do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; phù hợp với từng loại đối tượng và đáp ứng yêu cầu của người học; Tổ chức đào tạo và luyện thi các lớp ngoại ngữ tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc từ A1 đến A2, B1, B2, C1 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam cùng với các chứng chỉ quốc tế như IELTS, TOEIC, TOEFL...

Tổ chức thi sát hạch và cấp chứng chỉ tin học chuẩn CNTT cơ bản theo chương trình được Bộ GD&ĐT cấp phép;

Tuy nhiên, trên thực tế tình hình giảng dạy tại trung tâm vẫn biểu hiện những hạn chế cần khắc phục như:

Chạy theo số lượng trên mỗi lớp mỗi khóa, hiệu quả quản lý còn nhiều hạn chế dẫn tới chất lượng đào tạo chưa đảm bảo còn đang trong quá trình cải thiện. Đặc biệt còn nhiều vấn đề cần đổi mới trong công tác quản lý đối với cả công tác dạy và học tại trung tâm. Nhiệm vụ cần thiết phải có một đề án về công tác quản lý hoạt động dạy và học ngoại ngữ tại trung tâm, nhằm đáp ứng nhu cầu chất lượng đầu ra học viên đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ trong khu vực Thành phố Huế nói riêng và khu vực Miền Trung - Tây Nguyên nói chung và để đảm bảo công tác đào tạo nguồn lực cho trung tâm, vì vậy nghiên cứu quản lý hoạt động dạy học Ngoại ngữ tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Huế ICP là một lựa chọn hết sức ý nghĩa và cấp thiết.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng công tác hoạt động dạy học ngoại ngữ ở Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Huế ICP để thu thập dữ liệu, điều tra bao gồm 62 người tham gia: 05 CBQL, 36 NV và 21 GV được chọn ngẫu nhiên trong số hơn 100 cá nhân đang công tác trong các vị trí tại trung tâm. Để thu thập dữ liệu, chúng tôi sử dụng các phương pháp sau:

Phương pháp điều tra khảo sát: Phiếu khảo sát bao gồm 2 thành phần là phần thông tin cá nhân và thực trạng quản lý hoạt động dạy học tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Huế ICP nhằm phân tích rõ các đối tượng được khảo sát và lấy ý kiến đánh giá thực trạng; Phương pháp tổng kết kinh nghiệm: kết hợp lý luận với thực tế, đem lý luận phân tích so với tình hình thực tế, từ phân tích thực tế rút ra các biện pháp, cách khắc phục các hạn chế thực tại; Phương pháp quan sát: Quan sát việc tổ chức và thực hiện hoạt động dạy học ngoại ngữ tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Huế ICP từ đó đưa ra các khuyết điểm hạn chế còn tồn tại; Phương pháp phỏng vấn: trao đổi với CBQL, GV và HV về thực trạng vấn đề nghiên cứu nhằm bổ sung cho các kết quả nghiên cứu định lượng.

Các câu hỏi dùng để đánh giá thực trạng được thiết kế theo thang likert 5 mức độ, từ 1 (kém) đến 5 (tốt). Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS 20 nhằm đảm bảo tính khoa học và độ chính xác trong phân tích.

Phương pháp thống kê mô tả được áp dụng để tổng hợp và trình bày dữ liệu, bao gồm các giá trị điểm trung bình (ĐTB), và độ lệch chuẩn (ĐLC) được tính từ dữ liệu thông kê kết quả khảo sát của CBQL, GV và NV. Dữ liệu, sau khi được xử lý và tính điểm trung bình được phân theo thang đánh giá như sau: $1,00 \leq \text{ĐTB} \leq 1,80$: Không thực hiện/ Kém; $1,81 \leq \text{ĐTB} \leq 2,60$: Ít thực hiện/ Yếu; $2,61 \leq \text{ĐTB} \leq 3,40$: Thỉnh thoảng/ Trung bình; $3,41 \leq \text{ĐTB} \leq 4,20$: Thường xuyên/ Khá; $4,21 \leq \text{ĐTB} \leq 5,0$: Rất thường xuyên/ Tốt.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng quản lý thực hiện mục tiêu dạy học ngoại ngữ tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Huế ICP

Bảng 1. Đánh giá của CBQL - GV và NV về thực trạng quản lý thực hiện mục tiêu dạy học ngoại ngữ tại Trung tâm NN - TH Huế ICP

STT	Mục tiêu	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Trung tâm có quy trình rõ ràng để thiết lập và điều chỉnh mục tiêu dạy học ngoại ngữ	4.08	0.75	3.94	0.62
2	Mục tiêu dạy học ngoại ngữ được truyền đạt rõ ràng đến tất cả giáo viên	3.97	0.75	3.98	0.69
3	Mục tiêu dạy học ngoại ngữ được thiết kế phát triển năng lực tư duy, kỹ năng mềm và khả năng hội nhập quốc tế cho học viên	4.31	0.62	4.00	0.68
4	Mục tiêu dạy học ngoại ngữ hướng tới phát triển năng lực giao tiếp của người học một cách toàn diện và hiệu quả	3.77	0.84	3.47	0.76
ĐTB		4.03	0.74	3.77	0.69

*Chú thích: $\text{ĐTB} = 1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$; $\text{ĐLC} = \text{Độ lệch chuẩn}$

Quản lý thực hiện mục tiêu dạy học ngoại ngữ tại trung tâm là quá trình tác động có mục đích và kế hoạch của đội ngũ quản lý nhằm đảm bảo các chỉ tiêu được triển khai đúng định hướng. Kết quả bảng 1 khảo sát tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Huế ICP cho thấy ĐTB mức độ thực hiện mục tiêu đạt 4.03, trong khi ĐTB kết quả thực hiện chỉ đạt 3.77. Điều này phản ánh trung tâm đã chú trọng thiết lập và triển khai mục tiêu ở mức khá tốt, nhưng vẫn còn khoảng cách nhất định giữa kế hoạch và hiệu quả đạt được. ĐLC của mức độ thực hiện là 0.74 và kết quả 0.69, đều ở mức trung bình thấp, cho thấy ý kiến người tham gia khảo sát khá thống nhất, ít có sự phân tán.

Trong các tiêu chí, nổi bật nhất là “Mục tiêu dạy học được thiết kế nhằm phát triển năng lực tư duy, kỹ năng mềm và khả năng hội nhập quốc tế” với ĐTB thực hiện 4.31 và kết quả 4.00. Đây là điểm mạnh, chứng

tổ trung tâm chú trọng phát triển năng lực toàn diện cho học viên. Tuy nhiên, sự chênh lệch giữa triển khai và kết quả cho thấy hiệu quả thực tế chưa tương xứng với định hướng, phần lớn do yếu tố con người như học viên chưa đáp ứng được khối lượng kiến thức yêu cầu trong khoảng thời gian mục tiêu.

Tiêu chí xếp thứ hai là “Trung tâm có quy trình rõ ràng để thiết lập và điều chỉnh mục tiêu” với ĐTB thực hiện 4.08 và kết quả 3.94. Điều này chứng minh trung tâm đã xây dựng quy trình bài bản, nhưng việc áp dụng thực tế gặp khó khăn. Một số tình huống như lịch trình dày đặc, sự khác biệt về mục tiêu học tập của học viên khiến việc điều chỉnh mục tiêu chưa đạt hiệu quả mong muốn.

Tiếp theo là “Mục tiêu dạy học được truyền đạt rõ ràng đến giáo viên” với ĐTB thực hiện 3.97 và kết quả 3.98. Điểm kết quả nhỉnh hơn mức độ thực hiện phản ánh rằng dù quá trình truyền đạt chưa thật tối ưu, nhưng giáo viên đã chủ động tiếp nhận, hiểu rõ mục tiêu và triển khai hiệu quả trong giảng dạy.

Cuối cùng, tiêu chí thấp nhất là “Mục tiêu dạy học hướng tới phát triển năng lực giao tiếp toàn diện và hiệu quả” với ĐTB thực hiện 3.77 và kết quả 3.47. Đây là hạn chế lớn, cho thấy việc rèn luyện năng lực giao tiếp – mục tiêu cốt lõi của dạy học ngoại ngữ – vẫn chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng. Khoảng cách khá lớn giữa triển khai và kết quả cho thấy khó khăn trong việc chuyển hóa định hướng thành thành quả cụ thể. Đại đa số học viên chỉ đang có mục tiêu học để thi lấy chứng chỉ, chưa thực sự đặt mục tiêu trọng tâm vào việc học để phát triển năng lực bản thân.

Nhìn chung, khảo sát cho thấy trung tâm đã đạt mức khá tốt trong quản lý và triển khai mục tiêu dạy học ngoại ngữ. Điểm mạnh nằm ở định hướng phát triển năng lực toàn diện, quy trình thiết lập rõ ràng và sự truyền đạt đến giáo viên khá hiệu quả. Tuy nhiên, khoảng cách giữa kế hoạch và kết quả thực hiện vẫn tồn tại ở hầu hết các tiêu chí, đặc biệt trong phát triển năng lực giao tiếp.

Trong thời gian tới, trung tâm cần tăng cường các hoạt động thực hành giao tiếp, lồng ghép mục tiêu giao tiếp vào từng nội dung cụ thể của chương trình, đồng thời linh hoạt điều chỉnh mục tiêu dựa trên nhu cầu thực tế của học viên. Việc kết hợp chặt chẽ giữa định hướng chiến lược và triển khai giảng dạy hằng ngày sẽ giúp nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo mục tiêu dạy học thực sự mang lại giá trị thiết thực cho người học.

3.2. Thực trạng quản lý thực hiện nội dung, chương trình dạy học ngoại ngữ tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Huế ICP

Bảng 2. Đánh giá của CBQL - GV và NV về thực trạng quản lý thực hiện nội dung, chương trình dạy học ngoại ngữ tại Trung tâm NN - TH Huế ICP

STT	Nội dung/Chương trình	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Chương trình dạy học ngoại ngữ được truyền đạt rõ ràng đến tất cả các giáo viên	3.87	0.80	3.85	0.72
2	Quy trình triển khai chương trình dạy học được theo dõi và điều chỉnh khi cần thiết	3.55	0.94	3.49	0.94
3	Trung tâm có các biện pháp đảm bảo rằng nội dung dạy học luôn phù hợp với yêu cầu và mục tiêu của học viên	3.82	0.88	3.76	0.59
4	Chương trình và nội dung dạy học phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế	4.08	0.75	3.94	0.62
ĐTB		3.83	0.84	3.76	0.72

Nội dung và chương trình dạy học ngoại ngữ luôn có sự thay đổi để phù hợp với tiến trình cải cách giáo dục và định hướng phát triển năng lực người học. Thực tế tại Trung tâm Ngoại ngữ – Tin học Huế ICP cho thấy, việc quản lý chương trình dạy học đã đạt nhiều kết quả tích cực. Kết quả khảo sát tại bảng 2 cho thấy ĐTB mức độ thực hiện đạt 3.83, trong khi kết quả thực hiện là 3.76, đều ở mức khá thường xuyên. Tuy nhiên, hiệu quả thực tế vẫn thấp hơn so với mức độ triển khai. ĐLC của mức độ thực hiện là 0.84 và của kết quả là 0.72, phản ánh sự phân tán ý kiến ở mức trung bình, cho thấy vẫn còn khác biệt trong trải nghiệm của học viên. Tiêu chí nổi bật nhất là “Chương trình và nội dung dạy học phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế”, với ĐTB thực hiện 4.08 và kết quả 3.94. Đây là điểm mạnh cho thấy trung tâm đã xây dựng chương trình gắn với chuẩn mực quốc tế như IELTS, Cambridge, TOPIK..., giúp học viên phát triển năng lực toàn diện và đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển năng lực ngoại ngữ toàn diện cho học viên.

Tiếp theo, “Chương trình dạy học được truyền đạt rõ ràng đến tất cả giáo viên” được đánh giá cao thứ hai. Kết quả này cho thấy sự thống nhất khá cao trong việc truyền đạt chương trình đến giáo viên, giúp quá trình dạy học được thực hiện theo đúng định hướng của trung tâm.

Về nội dung “Trung tâm có biện pháp đảm bảo nội dung phù hợp với mục tiêu và nhu cầu học viên”, với ĐTB thực hiện 3.82 và kết quả 3.76, cho thấy trung tâm đã có sự nỗ lực trong việc cập nhật chương trình, nhưng vẫn cần thường xuyên điều chỉnh để đáp ứng sự đa dạng nhu cầu học tập trong bối cảnh hội nhập và thay đổi liên tục của xã hội.

Về nội dung “Quy trình triển khai chương trình được theo dõi, điều chỉnh khi cần thiết” đạt kết quả thấp nhất. Đây là hạn chế cho thấy công tác giám sát và điều chỉnh chương trình chưa thật sự linh hoạt, ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhu cầu học tập và nâng cao chất lượng đào tạo lâu dài.

Ý kiến phỏng vấn học viên cũng phản ánh rõ thực trạng này. Học viên H.M.T (khóa tiếng Anh quốc tế) cho biết: “Chương trình học phù hợp với nhu cầu công việc, đặc biệt gần với chuẩn quốc tế, giúp em tự tin hơn trong các kỳ thi chứng chỉ.” Học viên N.N.K (khóa tiếng Hàn) chia sẻ: “Các thầy cô nắm chương trình rất rõ, giảng dạy thống nhất, nên mình dễ dàng theo kịp tiến độ.” Tuy nhiên, học viên H.T.K.V (khóa tiếng Anh quốc tế) phản ánh: “Một số nội dung giảng dạy chưa được cập nhật kịp thời, việc điều chỉnh chương trình chưa thật sự linh hoạt.”

Kết quả khảo sát và phỏng vấn cho thấy trung tâm đã đạt nhiều thành tựu trong xây dựng và triển khai chương trình dạy học ngoại ngữ, đặc biệt ở việc gắn kết với chuẩn quốc tế và truyền đạt rõ ràng cho giáo viên. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những hạn chế, chủ yếu ở khâu giám sát, điều chỉnh và cập nhật nội dung để phù hợp với nhu cầu đa dạng của học viên. Trong thời gian tới, trung tâm cần chú trọng hơn vào việc tăng cường công tác theo dõi, xây dựng cơ chế phản hồi thường xuyên từ học viên và giáo viên, đồng thời linh hoạt điều chỉnh chương trình. Có như vậy, hiệu quả triển khai mới được nâng cao, góp phần đáp ứng tốt hơn mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ toàn diện cho người học trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

3.3. Thực trạng quản lý phương pháp và hình thức dạy học ngoại ngữ tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Huế ICP

Bảng 3. Đánh giá của CBQL - GV và NV về thực trạng quản lý phương pháp và hình thức dạy học ngoại ngữ tại Trung tâm NN - TH Huế ICP

STT	Phương pháp/Hình thức	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Trung tâm có chính sách rõ ràng về việc giám sát và đánh giá hoạt động dạy học của giáo viên	4.16	0.71	4.16	0.63
2	Các giáo viên ngoại ngữ được cung cấp đầy đủ tài liệu hỗ trợ cần thiết để thực hiện dạy học hiệu quả	4.21	0.79	3.71	1.12
3	Trung tâm tổ chức định kỳ các khóa đào tạo và phát triển nghề nghiệp cho giáo viên	3.77	0.84	3.47	0.76
4	Trung tâm có cơ chế để thu thập và phản hồi ý kiến từ học viên về chất lượng dạy học của giáo viên	4.31	0.56	4.23	0.71
ĐTB		4.11	0.73	3.89	0.81

Việc quản lý phương pháp và hình thức dạy học ngoại ngữ hiệu quả đóng vai trò quan trọng trong nâng cao chất lượng đào tạo và đảm bảo chuẩn đầu ra cho học viên. Kết quả khảo sát tại bảng 3 cho thấy, điểm trung bình (ĐTB) mức độ thực hiện các biện pháp quản lý đạt 4.11, trong khi kết quả thực hiện là 3.89. Cả hai đều ở mức “tốt” theo thang Likert 5 bậc, tuy nhiên tồn tại khoảng cách giữa triển khai và hiệu quả thực tế. Độ lệch chuẩn (ĐLC) của mức độ thực hiện là 0.73 và kết quả thực hiện là 0.81, cho thấy sự đồng thuận tương đối cao khi triển khai, nhưng ý kiến có phần phân tán hơn khi đánh giá hiệu quả.

“Cơ chế thu thập và phản hồi ý kiến học viên về chất lượng dạy học của giáo viên” với điểm thực hiện 4.31 và kết quả 4.23. Qua đó cho thấy trung tâm đã chú trọng lắng nghe phản hồi và sử dụng chúng để cải tiến hoạt động dạy học. ĐLC thấp chứng tỏ sự thống nhất cao trong đánh giá của người tham gia.

Tiêu chí “Các giáo viên ngoại ngữ được cung cấp đầy đủ tài liệu hỗ trợ cần thiết để thực hiện dạy học hiệu quả” đạt 4.21 ở mức thực hiện nhưng chỉ 3.71 ở kết quả, kèm theo ĐLC khá cao (1.12). Cho thấy trung tâm cung cấp tài liệu khá đầy đủ, nhưng hiệu quả sử dụng trong thực tế còn thấp, giáo viên chưa khai thác được tối đa khối lượng nội dung giảng dạy trong tài liệu, một số chương trình giáo viên phải soạn thêm tài liệu để giảng dạy cho học viên.

“Chính sách rõ ràng về việc giám sát và đánh giá hoạt động dạy học của giáo viên” với ĐTB 4.16 cho cả hai khía cạnh. Sự cân bằng này phản ánh tính hiệu quả và đồng thuận trong việc giám sát, cho thấy công tác quản lý được triển khai minh bạch và có sự đồng bộ.

Cuối cùng, “tổ chức định kỳ các khóa đào tạo và phát triển nghề nghiệp cho giáo viên” đạt 3.77 ở mức độ

thực hiện và 3.47 ở kết quả. Đây là hạn chế đáng chú ý, qua đó cho thấy việc phát triển chuyên môn cho đội ngũ giáo viên chưa được chú trọng đúng mức. Các buổi tập huấn hiện nay còn ngắn, thiên về giải quyết tình huống trước mắt, chưa đủ chiều sâu để nâng cao năng lực lâu dài. Ngoài ra, lịch dạy dày đặc cũng khiến giáo viên khó tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu.

Công tác quản lý phương pháp và hình thức dạy học tại Trung tâm NN – TH Huế ICP đã đạt mức “tốt”, đặc biệt nổi bật ở cơ chế phản hồi học viên và chính sách giám sát. Tuy nhiên, vẫn tồn tại hạn chế trong việc khai thác hiệu quả tài liệu hỗ trợ và tổ chức bồi dưỡng giáo viên. Trong thời gian tới, trung tâm cần tập trung hơn vào đào tạo chuyên môn dài hạn cho GV, tăng cường hỗ trợ việc sử dụng tài liệu giảng dạy, đồng thời duy trì cơ chế phản hồi như công cụ giám sát và cải tiến liên tục.

3.4. Thực trạng quản lý hoạt động dạy ngoại ngữ của giáo viên tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Huế ICP

Bảng 4. Đánh giá của CBQL và GV về thực trạng quản lý hoạt động dạy ngoại ngữ của giáo viên tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Huế ICP

STT	Hoạt động	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động dạy học được diễn ra thường xuyên	4.16	0.71	4.16	0.63
2	Các buổi sinh hoạt chuyên môn mang lại sự hiệu quả trong công tác nâng cao kinh nghiệm dạy học của giáo viên	4.21	0.79	3.71	1.12
3	Các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn được diễn ra thường xuyên và đồng bộ	3.77	0.84	3.47	0.76
4	Giáo viên hoàn thành tốt các mục tiêu đề ra trong khóa học	4.08	0.75	3.98	0.69
ĐTB		4.06	0.77	3.83	0.8

Việc giảng dạy ngoại ngữ hiện nay đang rất được quan tâm, nhất là chất lượng đội ngũ GV. Để đánh giá đúng thực trạng quản lý hoạt động dạy ngoại ngữ của GV ở Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Huế ICP qua bảng 4 đã nêu ra kết quả cho thấy điểm trung bình cộng (ĐTB) của mức độ thực hiện đạt 4.06, trong khi điểm trung bình kết quả thực hiện đạt 3.83. Qua đó nói lên rằng các hoạt động quản lý và tổ chức dạy học tại trung tâm được triển khai ở mức cao, song hiệu quả thực tế vẫn có sự chênh lệch nhất định so với mức độ thực hiện. Sự khác biệt này cho thấy, mặc dù kế hoạch và hoạt động đã được tổ chức tương đối đầy đủ, song quá trình triển khai và hiệu quả thu được cần tiếp tục được cải thiện. Xét về độ lệch chuẩn (ĐLC), mức độ thực hiện có giá trị trung bình 0.77, còn kết quả thực hiện là 0.80. Các con số này cho thấy sự phân tán ý kiến của học viên và giáo viên ở mức vừa phải, nghĩa là phần lớn người tham gia khảo sát có sự đồng thuận, tuy nhiên một số tiêu chí có độ lệch chuẩn cao hơn gợi ý rằng mức độ hiệu quả của hoạt động chưa thật sự đồng đều giữa các đối tượng.

Qua tiêu chí “Các buổi sinh hoạt chuyên môn mang lại sự hiệu quả trong công tác nâng cao kinh nghiệm dạy học của giáo viên” với ĐTB 4.21 (ĐLC = 0.79) được đánh giá cao nhất. Điều này khẳng định sinh hoạt chuyên môn đã trở thành kênh quan trọng giúp giáo viên trao đổi kinh nghiệm, cải tiến phương pháp, đồng thời nâng cao năng lực nghề nghiệp. “Công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động dạy học được diễn ra thường xuyên” với ĐTB 4.16 (ĐLC = 0.71) cho thấy hoạt động giám sát, đánh giá tại trung tâm được thực hiện khá nghiêm túc, góp phần duy trì chất lượng dạy học.

Tiêu chí “Giáo viên hoàn thành tốt các mục tiêu đề ra trong khóa học” đạt ĐTB 4.08 (ĐLC = 0.75), nhận thấy nỗ lực của đội ngũ giáo viên trong việc đảm bảo tiến độ, mục tiêu đào tạo, đồng thời cho thấy tính khả thi của kế hoạch giảng dạy. Tiêu chí “Các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn được diễn ra thường xuyên và đồng bộ” với ĐTB 3.77 (ĐLC = 0.84) được đánh giá thấp nhất. Cho thấy hoạt động bồi dưỡng, nhưng mức độ đồng bộ và tính thường xuyên chưa được đảm bảo, cần tăng cường hơn để đáp ứng nhu cầu phát triển năng lực của giáo viên.

Ở nhóm kết quả thực hiện, “Công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động dạy học” tiếp tục đứng đầu với ĐTB 4.16 (ĐLC = 0.63), cho thấy đây là hoạt động đem lại hiệu quả rõ rệt nhất. Tiếp theo là “Giáo viên hoàn thành tốt mục tiêu khóa học” với ĐTB 3.98 (ĐLC = 0.69), chứng tỏ sự nỗ lực của giáo viên trong việc đáp ứng yêu cầu. Tiêu chí “Các buổi sinh hoạt chuyên môn” đạt ĐTB 3.71 (ĐLC = 1.12), phản ánh hiệu quả chưa thật sự đồng đều, một phần do sự khác biệt về trải nghiệm hoặc mức độ tham gia của giáo viên. Cuối cùng, “Các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn” đạt ĐTB 3.47 (ĐLC = 0.76), là chỉ số thấp nhất, thể hiện rõ ràng hạn chế trong công tác phát triển năng lực đội ngũ.

Nhìn chung, các hoạt động dạy học ngoại ngữ tại trung tâm được thực hiện ở mức tốt, với điểm mạnh nổi bật là công tác kiểm tra, đánh giá thường xuyên và sự nỗ lực của giáo viên trong việc hoàn thành mục tiêu đào tạo. Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại những hạn chế trong việc tổ chức bồi dưỡng chuyên môn và duy trì

hiệu quả của các buổi sinh hoạt chuyên môn. Điều này cho thấy trung tâm cần có chiến lược đồng bộ hơn trong công tác phát triển năng lực giáo viên, tăng cường tính thực chất của sinh hoạt chuyên môn, đồng thời gắn kết chặt chẽ hơn giữa kế hoạch và kết quả thực hiện.

3.5. Thực trạng quản lý hoạt động học ngoại ngữ của học viên tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Huế ICP

Bảng 5. Đánh giá của CBQL - GV và NV về quản lý hoạt động học ngoại ngữ của học viên tại Trung tâm NN - TH Huế ICP

STT	Hoạt động	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Trung tâm có hệ thống quản lý, theo dõi tiến độ học tập hiệu quả	4.06	0.67	3.61	0.66
2	Các hoạt động hỗ trợ học tập ngoài giờ học chính thức được tổ chức đều đặn và hiệu quả	4.31	0.62	4.00	0.68
3	Người học được tư vấn và hỗ trợ kịp thời khi gặp khó khăn trong học tập	3.55	0.94	3.49	0.94
4	Trung tâm có các phương pháp để đánh giá và cải thiện hiệu quả học tập của học viên	4.21	0.79	3.71	1.12
ĐTB		4.03	0.76	3.7	0.85

Bên cạnh hoạt động dạy của GV, hoạt động học của HV luôn song hành và hỗ trợ tương tác lẫn nhau tạo nên kết quả giáo dục. Từ kết quả khảo sát bảng 5 cho thấy điểm trung bình cộng (ĐTB) mức độ thực hiện các hoạt động hỗ trợ học tập tại trung tâm đạt 4.03, trong khi ĐTB của kết quả thực hiện chỉ đạt 3.70. Nhận thấy trung tâm đã triển khai các hoạt động hỗ trợ học tập ở mức khá tốt, tuy nhiên hiệu quả thực tế vẫn thấp hơn so với nỗ lực triển khai. Độ lệch chuẩn (ĐLC) của mức độ thực hiện là 0.76, còn kết quả thực hiện là 0.85. Cả hai giá trị đều ở mức trung bình, thể hiện ý kiến của người học có sự phân tán nhất định. Như vậy, mặc dù phần lớn học viên đồng thuận với đánh giá tích cực, nhưng vẫn tồn tại sự khác biệt trong trải nghiệm và cảm nhận cá nhân.

“Các hoạt động hỗ trợ học tập ngoài giờ học chính thức được tổ chức đều đặn và hiệu quả”, với ĐTB thực hiện 4.31 và kết quả thực hiện 4.00 được đánh giá với số điểm cao nhất. Đây là điểm mạnh nổi bật của trung tâm, cho thấy sự quan tâm và đầu tư trung tâm vào các hoạt động ngoại khóa, tạo thêm môi trường rèn luyện và phát triển kỹ năng ngoại ngữ cho học viên ngoài giờ học chính khóa. Hoạt động thứ hai là “Trung tâm có các phương pháp để đánh giá và cải thiện hiệu quả học tập của học viên”, với ĐTB thực hiện 4.21 và kết quả thực hiện 3.71. Từ kết quả này cho thấy sự nỗ lực của trung tâm trong việc xây dựng hệ thống đánh giá học tập, đồng thời đưa ra các biện pháp cải thiện. Tuy nhiên hiệu quả áp dụng chưa đồng đều tại trung tâm do ĐLC của kết quả khá cao.

Tiêu chí tiếp theo là “Trung tâm có hệ thống theo dõi tiến độ học tập hiệu quả”, với ĐTB thực hiện 4.06 và kết quả thực hiện 3.61. Kết quả đạt ở mức khá, song điểm số này cho thấy hệ thống theo dõi còn cần được cải tiến hơn nữa để phản ánh chính xác tiến độ học tập của từng học viên và kịp thời hỗ trợ điều chỉnh. Tiêu chí có điểm thấp nhất là “Người học được tư vấn và hỗ trợ kịp thời khi gặp khó khăn trong học tập”, với ĐTB thực hiện 3.55 và kết quả thực hiện 3.49. Hoạt động này có phần hạn chế rõ rệt, phản ánh việc hỗ trợ học viên theo nhu cầu cá nhân chưa được quan tâm đúng mức, trong khi đây là yếu tố then chốt để nâng cao chất lượng đào tạo. Chủ yếu là do số lượng học viên lớn, dẫn đến thời gian để NV phản hồi đến từng học viên khá chậm trễ.

Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy trung tâm đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai hoạt động hỗ trợ học tập, nổi bật nhất là việc tổ chức hoạt động ngoại khóa và xây dựng phương pháp đánh giá. Bên cạnh đó vẫn còn tồn đọng một số hạn chế như hiệu quả đạt được chưa thực sự tương xứng với mức độ triển khai. Đặc biệt, khâu tư vấn, hỗ trợ trực tiếp cho học viên và việc vận hành hệ thống theo dõi tiến độ học tập vẫn còn hạn chế. Trong thời gian tới, trung tâm cần chú trọng tăng cường hỗ trợ cá nhân hóa, cải thiện hệ thống theo dõi và nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp đánh giá để đảm bảo chất lượng học tập bền vững cho người học.

3.6. Thực trạng về quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Huế ICP

Qua công tác đánh giá của CBQL và GV về quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập là khâu cuối cùng nhưng cũng mang tính quyết định trong toàn bộ tiến trình quản lý giáo dục. Đây là bước quan trọng trước khi kết thúc khóa học hay cho phép học viên tham gia các kỳ thi, do đó Ban Giám đốc (BGĐ) trung tâm cần thực hiện trên cơ sở khách quan, minh bạch, với hệ thống quy định – quy chế – quy trình rõ ràng, đồng thời có biện pháp ngăn chặn và xử lý kịp thời các tình huống tiêu cực. Kết quả khảo sát bảng 6 tại

Trung tâm Ngoại ngữ – Tin học Huế ICP cho thấy: ĐTB chung của mức độ thực hiện các hoạt động kiểm tra, đánh giá đạt 3.93, trong khi ĐTB kết quả thực hiện chỉ đạt 3.79. Qua đó cho thấy trung tâm đã triển khai công tác kiểm tra, đánh giá ở mức khá tốt, song hiệu quả thực tế vẫn thấp hơn so với kỳ vọng. Độ lệch chuẩn (ĐLC) của mức độ thực hiện là 0.78 và của kết quả là 0.70, đều ở mức trung bình, cho thấy ý kiến học viên có sự phân tán nhất định, phản ánh trải nghiệm thực tế chưa thật đồng đều.

Bảng 6. Đánh giá của CBQL - GV và NV về quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên tại Trung tâm NN - TH Huế ICP

STT	Kiểm tra, đánh giá	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Quy trình kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện công bằng và minh bạch	3.87	0.80	3.85	0.72
2	Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập được thông báo rõ ràng từ đầu khóa học	3.98	0.76	3.94	0.83
3	Trung tâm có các biện pháp cải tiến hệ thống kiểm tra và đánh giá dựa trên phản hồi từ người học	3.82	0.88	3.76	0.59
4	Kết quả kiểm tra và đánh giá được sử dụng để điều chỉnh phương pháp dạy học một cách hiệu quả	4.06	0.67	3.61	0.66
ĐTB		3.93	0.78	3.79	0.70

Trong số các tiêu chí, nổi bật nhất là “Kết quả kiểm tra và đánh giá được sử dụng để điều chỉnh phương pháp dạy học” với ĐTB thực hiện 4.06 và kết quả 3.61. Đây là điểm mạnh, thể hiện trung tâm đã chú ý áp dụng kết quả đánh giá để cải thiện hoạt động dạy học. Tuy nhiên, khoảng cách khá lớn giữa hai mức điểm cho thấy hiệu quả áp dụng còn hạn chế, cần khắc phục trong tương lai. “Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập được thông báo rõ ràng từ đầu khóa học” với ĐTB thực hiện 3.98 và kết quả 3.94. Là một minh chứng cho tính minh bạch, giúp học viên định hướng ngay từ đầu, song ĐLC cao (0.83) cho thấy sự chênh lệch giữa các lớp. Với tiêu chí “Quy trình kiểm tra và đánh giá công bằng, minh bạch” có ĐTB thực hiện 3.87 và kết quả 3.85, thể hiện sự đồng thuận cao và ổn định hơn. Mức điểm này khá cân đối, phản ánh sự đồng thuận tương đối cao của học viên về tính minh bạch và công bằng trong quá trình kiểm tra, đánh giá.

“Cải tiến hệ thống kiểm tra dựa trên phản hồi từ người học” với ĐTB thực hiện 3.82 và kết quả 3.76, cho thấy trung tâm chưa khai thác triệt để ý kiến đề xuất để nâng cao chất lượng đánh giá. Đây là khâu còn hạn chế, cho thấy việc lắng nghe và áp dụng phản hồi đề xuất từ người học để cải tiến hệ thống đánh giá chưa thực sự được chú trọng đúng mức.

Trong các cuộc phỏng vấn bổ sung, nhiều học viên cho rằng họ đánh giá cao sự minh bạch và rõ ràng trong việc công bố tiêu chí đánh giá ngay từ đầu khóa học, giúp họ dễ dàng xác định mục tiêu học tập. Tuy nhiên, một số học viên phản ánh rằng mặc dù kết quả kiểm tra được thông báo đầy đủ, nhưng việc sử dụng kết quả này để điều chỉnh phương pháp dạy học còn hạn chế, chủ yếu dừng ở mức cung cấp thông tin mà chưa đi kèm hướng cải thiện cụ thể. Ngoài ra, học viên cũng mong muốn có thêm kênh phản hồi chính thức để ý kiến của họ về bài kiểm tra, cách đánh giá được tiếp nhận và áp dụng nhiều hơn trong quá trình cải tiến hệ thống.

Tổng thể, kết quả khảo sát cho thấy trung tâm đã đạt nhiều thành tựu trong công tác kiểm tra, đánh giá, nhất là ở minh bạch thông tin và gắn kết kết quả với giảng dạy, sử dụng kết quả để điều chỉnh hoạt động dạy học. Tuy nhiên, việc ứng dụng kết quả kiểm tra vào cải tiến dạy học và cơ chế tiếp nhận – phản hồi từ người học vẫn còn hạn chế. Trong thời gian tới, trung tâm cần đẩy mạnh hơn khâu cải tiến dựa trên phản hồi và bảo đảm việc sử dụng kết quả kiểm tra thực sự mang lại giá trị, góp phần nâng cao chất lượng dạy học và khẳng định uy tín.

3.7. Thực trạng về quản lý các điều kiện hỗ trợ dạy học tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Huế ICP

Trang thiết bị dạy học là yếu tố không thể thiếu góp phần thành công và hiệu quả trong công tác dạy học. Công tác quản lý các điều kiện hỗ trợ dạy học ngoại ngữ tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Huế ICP được thể hiện trong bảng 7, kết quả khảo sát cho thấy ĐTB mức độ thực hiện các điều kiện hỗ trợ tại trung tâm được CBQL và GV đánh giá cao khi đạt 3.96, trong khi ĐTB của kết quả thực hiện đạt 3.90. Điều này nói lên rằng trung tâm đã chú trọng, quan tâm đến việc triển khai các điều kiện hỗ trợ dạy và học ngoại ngữ ở mức khá tốt, đồng thời hiệu quả đạt được cũng tương đối tương xứng với mức độ nỗ lực. Tuy nhiên, khoảng cách nhỏ giữa hai chỉ số cho thấy vẫn còn những hạn chế nhất định trong việc chuyển hóa nguồn lực hỗ trợ thành kết quả thực tế. ĐLC của mức độ thực hiện là 0.79 và của kết quả thực hiện là 0.80, cho thấy mức độ

phân tán ý kiến của người học ở mức trung bình, phản ánh có sự khác biệt nhất định trong trải nghiệm tại trung tâm. Trong số các tiêu chí khảo sát, tiêu chí “Các tài liệu học tập và công cụ hỗ trợ học ngoại ngữ được cung cấp đầy đủ cho người học” với ĐTB thực hiện 4.31 và kết quả thực hiện 4.23 đạt điểm cao nhất. Đây là điểm mạnh nổi bật, cho thấy học viên đánh giá cao về việc được trang bị đầy đủ tài liệu, giúp quá trình học tập diễn ra thuận lợi. ĐLC thấp cũng phản ánh sự đồng thuận khá cao của người được khảo sát.

Bảng 7. Đánh giá của CBQL - GV và NV về quản lý các điều kiện hỗ trợ dạy học tại Trung tâm NN - TH Huế ICP

STT	Điều kiện hỗ trợ	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Trung tâm đảm bảo có đầy đủ cơ sở vật chất và thiết bị hỗ trợ cho việc dạy và học ngoại ngữ	4.00	0.92	3.89	0.85
2	Các tài liệu học tập và công cụ hỗ trợ học ngoại ngữ được cung cấp đầy đủ cho người học	4.31	0.56	4.23	0.71
3	Trung tâm tổ chức các hoạt động hỗ trợ như tư vấn học tập và hướng dẫn cho người học	3.55	0.94	3.49	0.94
4	Trung tâm có chương trình hợp tác hoặc liên kết với các tổ chức khác để nâng cao chất lượng dạy học	3.97	0.75	3.98	0.69
ĐTB		3.96	0.79	3.90	0.80

**Chú thích: ĐTB = $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$; ĐLC = Độ lệch chuẩn*

Điều kiện “Trung tâm đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất và thiết bị hỗ trợ cho việc dạy và học ngoại ngữ” được CBQL và GV đánh giá với ĐTB thực hiện 4.00 và kết quả thực hiện 3.89. Kết quả này cho thấy trung tâm đã có sự đầu tư đáng kể vào cơ sở vật chất, tuy vậy mức độ hiệu quả khai thác vẫn chưa đạt tối đa. Bên cạnh đó, tiêu chí “Trung tâm có chương trình hợp tác hoặc liên kết với các tổ chức khác để nâng cao chất lượng dạy học” với ĐTB thực hiện 3.97 và kết quả thực hiện 3.98. Có kết quả thực hiện nhỉnh hơn so với mức độ triển khai, phản ánh sự thành công thực tế trong hoạt động hợp tác và liên kết, qua đó đem lại lợi ích thiết thực cho người học. Tiêu chí “Trung tâm tổ chức các hoạt động hỗ trợ như tư vấn học tập và hướng dẫn cho người học” có số điểm thấp nhất với ĐTB thực hiện 3.55 và kết quả thực hiện 3.49. Đây là một trong những hạn chế lớn nhất trong hệ thống hỗ trợ của trung tâm, cho thấy sự tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ kịp thời cho học viên vẫn chưa được đáp ứng kịp thời.

Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy trung tâm đã có những nỗ lực đáng kể trong việc cung cấp điều kiện hỗ trợ học tập, đặc biệt ở khâu tài liệu, công cụ học tập và cơ sở vật chất. Tuy nhiên, để nâng cao chất lượng toàn diện, cần tập trung nhiều hơn vào các hoạt động tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ trực tiếp cho học viên, giúp quá trình học tập được hiệu quả và bền vững hơn.

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này với sự tham gia của 05 CBQL, 36 NV và 21 GV tại trung tâm đã chỉ ra rằng thực trạng quản lý hoạt động dạy học ngoại ngữ tại trung tâm đã đạt được những thành tựu nhất định, thể hiện qua sự đồng thuận tương đối cao giữa CBQL - GV và NV trong các nội dung được khảo sát như Việc tổ chức và thực hiện các hoạt động dạy học đã được triển khai có hệ thống, Nội dung dạy học bám sát mục tiêu đào tạo và định hướng phát triển năng lực người học. Công tác như lập kế hoạch giảng dạy, tổ chức dạy học, quản lý người học, kiểm tra đánh giá và điều kiện hỗ trợ đều được quan tâm và có những bước tiến tích cực, phản ánh sự nỗ lực đổi mới trong công tác quản lý giáo dục của đơn vị. Nghiên cứu cho thấy về mặt lý luận Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Huế ICP đã có nền tảng quản lý thực hiện dạy và học ngoại ngữ tương đối ổn định, phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục ngoại ngữ.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được, công tác quản lý vẫn còn một số hạn chế nhất định, như tính đồng bộ trong triển khai các hoạt động chuyên môn, hiệu quả trong công tác bồi dưỡng GV, Mức độ ứng dụng công nghệ và tài nguyên học liệu số trong dạy học. Một số hoạt động dạy học chưa thực sự phát huy được vai trò hỗ trợ phát triển năng lực cho người học một cách toàn diện, nhất là trong bối cảnh giáo dục đang hướng đến cá nhân hóa và phát triển bền vững. Về mặt thực tiễn, để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quản lý trong giai đoạn tiếp theo, Trung tâm cần thực hiện: Một là tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng giảng dạy cũng như ứng dụng công nghệ vào dạy học và đa dạng hóa nội dung, hình thức học tập. Hai là xây dựng thương hiệu uy tín, chất lượng trong đào tạo, tăng cường quảng bá và marketing để nhiều người học biết đến chất lượng trong công tác dạy và học. Ba là cần đổi mới công tác quản lý tập trung đầu tư vào cơ sở vật chất và công nghệ, xây dựng đội ngũ giáo viên có năng lực. Các khâu tổ chức, tăng cường tính liên

kết giữa các bộ phận chuyên môn, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong dạy và học, đồng thời tập trung phát triển đội ngũ nhà giáo có năng lực và tư duy đổi mới.

Kết quả nghiên cứu sẽ là những yếu tố then chốt giúp trung tâm từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt hơn nhu cầu học ngoại ngữ trong xu thế hội nhập hiện nay. Đồng thời, nghiên cứu cũng góp phần thúc đẩy sự đổi mới phương pháp quản lý giáo dục và phát triển bền vững đội ngũ giáo viên ở các trung tâm trong tương lai. Để công tác quản lý hoạt động dạy học ngoại ngữ tại trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Huế ICP ngày càng hoàn thiện, hiệu quả cần có thêm những công trình nghiên cứu về công tác quản lý hoạt động dạy học cho học viên hướng đến đa ngôn ngữ, đất nước bước vào giai đoạn hội nhập và vươn mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2004). *Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 15 tháng 6 năm 2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX về xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục*. Hà Nội, Việt Nam: Tác giả.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2014). *Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*. Hà Nội, Việt Nam: Tác giả.
- DeSeCo. (2005). *The definition and selection of key competencies*. Organisation for Economic Co-operation and Development (OECD).
- Hymes, D. (1972). On communicative competence. In J. B. Pride & J. Holmes (Eds.), *Sociolinguistics: Selected readings* (pp. 269–293). Penguin Books.
- Trần, B. H. (2007). *Đổi mới phương pháp dạy học, chương trình và sách giáo khoa*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
- Wiggins, G., & McTighe, J. (2005). *Understanding by design*. Association for Supervision and Curriculum Development (ASCD).
-

Management of foreign language teaching activities at Hue ICP Foreign Language - Information Technology Center

Nguyễn Xuân Quang

Hue ICP Foreign Language - Information Technology Center

ARTICLE INFO

Article history:

Received: 16 August 2025

Received in revised form: 08 October 2025

Accepted: 09 October 2025

Published: 20 December 2025

Keywords:

Foreign language teaching;

Educational management;

Foreign language and informatics center;

Competence development.

Corresponding author:

Nguyễn Xuân Quang

E-mail address:

xuanquangicp@gmail.com

ABSTRACT

This article aims to evaluate the current situation of foreign language teaching management at Hue ICP Foreign Language and Informatics Center (hereafter referred to as the Center) in order to improve the effectiveness of teaching management, ensure training quality, and enhance learners' proficiency — especially in the context of national integration into the global community. Based on survey results collected through interviews and questionnaires with 5 administrators, 36 staff members, and 21 teachers, the study shows that the Center has implemented teaching plan development, management of teaching and learning activities, teaching support conditions, assessment practices, and organizational management in an objective and effective manner. Regular adjustments have been made and have achieved relatively good outcomes. However, there still exist certain difficulties and limitations, such as the limited effectiveness of management and the need for further improvements in training quality to meet practical demands. Notably, many aspects of teaching and learning management at the Hue ICP Center require renewal and innovation. The research findings serve as a foundation for proposing measures to develop the teaching and administrative staff, as well as strategic plans for improving the Center's teaching and learning activities in the future.
